

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/DS-PT
Ngày 20 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cua
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh
Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2021/DS-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số nhà 366TK, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Võ Trần D, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Ông Trần Mai S, sinh năm 1972 (có mặt);

Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1977 (ủy quyền cho ông Trần Mai S tại Văn bản ủy quyền ngày 19/4/2022);

Cùng HKTT: Số nhà 403/TH, ấp T1, xã T2, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Cùng tạm trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tài - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Sài Gòn.

Địa chỉ: Số 86/5, đường H, Phường M, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Trúc L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số nhà 366 TK, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh Võ Trần D, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Mai S, bà Nguyễn Thị Hồng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Văn D là anh Võ Trần D trình bày:

Trước đây ông D có cho ông S vay tiền nhiều lần, có lần thì có làm giấy, có lần thì không có làm giấy tờ gì. Đến ngày 16/6/2019, hai bên chốt nợ, tổng cộng số tiền vốn ông S còn nợ ông D là 655.000.000 đồng. Ông S tự nguyện viết biên nhận thể hiện nội dung còn nợ số tiền 655.000.000 đồng và cam kết tháng 7/2019 trả cho ông D 300.000.000 đồng, từ tháng 8/2019 trở về sau mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số nợ còn lại. Mục đích ông S nhiều lần vay tiền để mua bán vật liệu xây dựng và để trả nợ ngân hàng. Do tin tưởng ông S nên các lần cho vay ông D chỉ gặp ông S, không gặp vợ của ông S là bà H.

Sau khi ông S viết biên nhận nợ ngày 16/6/2019 thì giấy tờ vay của các khoản ông D và ông S đã thống nhất giao lại cho ông S giữ nên ông D không thể cung cấp cho Tòa án được. Hiện nay ông D không nhớ đã cho ông S vay bao nhiêu lần, số tiền bao nhiêu. Từ khi ông S vay tiền của ông D đến nay ông S không trả khoản lãi nào cho ông D, kể cả những khoản vay trước đó.

Số tiền 655.000.000 đồng là tài sản chung của ông D và vợ ông là bà Lê Trúc L nên ông D yêu cầu ông S và bà H phải liên đới giao trả cho ông D và bà L số tiền nợ gốc là 655.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 16/6/2019 đến ngày 16/02/2020 với mức lãi suất là 0,83%/tháng như sau: $655.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} \times 0,83\% = 43.492.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu tính lãi lại của ông S thì ông D có ý kiến như sau: từ trước đến nay ông D không nhận khoản lãi nào của ông S nên việc ông S yêu cầu ông D trả lại cho ông S số tiền là 474.474.000 đồng thì ông D không đồng ý.

Ông D không có ý kiến gì đối với Kết luận giám định số 248/C09B ngày 29/3/2021 và Bản dịch nội dung của Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông D không thừa nhận nội dung đoạn ghi âm do ông S cung cấp nhưng ông D không yêu cầu giám định lại.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Mai S và bà Nguyễn Thị Hồng H là anh Nguyễn Minh K trình bày:

Trước đây ông S có vay của ông D 02 lần với số tiền là 500.000.000 đồng, không nhớ thời gian. Ông S chỉ nhớ khi vay tiền lần thứ nhất là 200.000.000 đồng, lúc đó ông S có viết biên nhận giao ông D giữ, lần thứ hai vay 300.000.000 đồng thì ông S không có viết biên nhận. Mục đích ông S vay tiền là để chơi cờ bạc nên bà H không biết và không sử

dụng chung. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay từ 05 đến ngày 10 ngày. Ông S nhiều lần trả lãi cho ông D với số tiền là 185.000.000 đồng, sau đó ông S trả thêm 03 lần nữa 100.000.000 đồng, tổng cộng khoảng 285.000.000 đồng. Các lần ông S trả lãi cho ông D thì do ông D ghi vào sổ của ông D, ông S không có ký tên vào, sổ do ông D giữ nên ông S không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Ông S có trả 03 lần nợ gốc cho ông D với số tiền là 350.000.000 đồng nhưng ông S không nhớ thời gian nào, ông S chỉ nhớ lần thứ nhất trả 200.000.000 đồng, lần thứ hai trả 100.000.000 đồng tại bến phà M, lần thứ 3 trả 50.000.000 đồng. Cả ba lần hai bên không làm giấy tờ gì. Khi trả tiền lần hai và lần ba có bạn của ông D chứng kiến nhưng ông S không biết đầy đủ họ tên, địa chỉ nên không thể cung cấp cho Tòa án. Theo ông S thì hiện nay ông S chỉ còn nợ ông D nợ gốc là 150.000.000 đồng và ông S ngưng trả lãi cho ông D từ khoảng tháng 12/2019 đến nay.

Đối với biên nhận ngày 16/6/2019 thì ông S có ý kiến như sau: vào ngày 16/6/2019 ông S và ông D đang uống nước tại quán cà phê ở huyện B, ông S với ông D đang ngồi nói chuyện thì có 02 người đàn ông đi xe du lịch bước xuống ép buộc ông S phải viết giấy nợ, có nợ của ông D số tiền là 655.000.000 đồng, do quá sợ nên ông S phải viết biên nhận là có nợ của ông D số tiền là 655.000.000 đồng. Ông S thừa nhận toàn bộ nội dung biên nhận ngày 16/6/2019 là do ông S ghi nhưng ông S ghi theo sự hướng dẫn của ông D, toàn bộ nội dung là ông D đọc cho ông S viết, sau khi viết xong thì ông D giữ biên nhận, khi đó ông D còn lấy của ông khoảng 7.000.000 đồng. Sau đó, ông S có đưa cho ông D 50.000.000 đồng và có yêu cầu ông D phải viết biên nhận cho ông S nhưng ông D không đồng ý nên ông S không trả cho ông D nữa. Do đã trả nợ gốc số tiền 350.000.000 nên nay ông S đồng ý trả cho ông D số tiền nợ gốc còn lại là 305.000.000 đồng và nợ lãi là 43.492.000 đồng.

Ông S yêu cầu Tòa án tính lãi lại như sau: Do khoảng tháng 06 năm 2018 âm lịch ông S vay 200.000.000 đồng, khoảng 01 tháng sau ông S vay thêm 300.000.000 đồng nên ông S yêu cầu tính lại lãi từ tháng 7 năm 2018 âm lịch đến nay là 23 tháng x 1%/tháng x 500.000.000 đồng là 115.000.000 đồng, số còn lại ông S yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ giao trả cho ông S 175.000.000 đồng.

Bà H không đồng ý liên đới với ông S để trả nợ theo yêu cầu của ông D do bà H không trực tiếp vay và cũng không sử dụng chung số tiền mà ông S vay của ông D, mục đích ông S vay tiền là để tham gia cờ bạc, khi vay ông S không bàn bạc với bà H và sau khi ông D cho ông S vay tiền thì ông D cũng không thông báo cho bà H biết. Đối với số tiền 7.000.000 đồng mà ông S cho rằng ông D lấy của ông S vào ngày 16/6/2019 thì ông S không yêu cầu giải quyết, việc này là do ông S tự nguyện.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/9/2020, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Minh K trình bày:

Vào ngày 16/3/2018 âm lịch ông S có vay của ông D số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 29/6/2018 âm lịch ông S tiếp tục vay của ông D số tiền 300.000.000 đồng. Tổng cộng là 500.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng, thời hạn vay khi nào ông D cần thu hồi vốn thì ông D báo trước cho ông S một tháng để ông S chuẩn bị. Cả hai lần vay tiền các bên không làm giấy tờ gì chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Mục đích ông S vay để làm ăn riêng, bà H vợ ông S không biết do ông S không có bàn bạc với bà H. Ông S có nhiều lần trả lãi cho ông D, có khi trả lãi hàng ngày, có khi trả theo tháng. Ông S đã nhiều lần trả lãi cho ông D

với số tiền như sau: tính đến ngày 29/12/2018 âm lịch thì ông S đã trả cho ông D số tiền là 350.000.000 đồng nợ gốc, lãi suất là 385.000.000 đồng. Khi ông S trả vốn và lãi cho ông D thì ông S có yêu cầu ông D làm giấy tờ cho ông S nhưng ông D không đồng ý nên ông S không có giấy tờ, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông S có cung cấp File ghi âm và bản lược ghi đã có giám định của Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định đó là giọng nói của ông D.

Ông S không đồng ý trả nợ vốn và nợ lãi theo yêu cầu của ông D. Ông S đồng ý trả 150.000.000 đồng nợ gốc còn lại cho ông D và bà L.

Ông S yêu cầu ông D phải trả lại cho ông S tiền lãi là 385.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 29/12/2018 đến 29/4/2021 là 89.474.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Mai S trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 11/3/2020, ông S trình bày: Năm 2018 (không nhớ ngày tháng), tôi vay của ông D 02 lần tiền, lần thứ nhất vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/01 ngày, lúc vay có lập biên nhận vay tiền do ông D giữ. Cách vài tháng sau (không nhớ cụ thể) cũng năm 2018, ông vay tiếp 200.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/01 ngày, số tiền này không có lập biên nhận. Sau đó, ông D hẹn anh đi uống cà phê (năm 2019), sau khi vào quán được vài phút thì ông D kêu anh viết biên nhận vay tiền, đi cùng ông D có 03 người đàn ông rất hung hãn không cho anh đi, buộc ông phải viết biên nhận nợ theo yêu cầu của ông D, nếu không viết biên nhận nợ là không cho đi. Quá hoảng sợ nên anh viết giấy nợ theo yêu cầu của ông D là “tôi vay anh Đẩu số tiền 655.000.000 đồng, hứa tháng 7 sẽ trả 300.000.000 đồng, tháng 8 sẽ trả 100.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả 10.000.000 đồng cho đến khi nợ”, giao cho ông D giữ. Sau khi viết giấy nợ khoảng vài tháng ông có trả 200.000.000 đồng, vài tháng sau trả 100.000.000 đồng, đến khoảng tháng 10/2019 trả 50.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2020, ông S trình bày: Ông có vay của ông D 02 lần. Lần đầu vay 200.000.000 đồng, ông có viết biên nhận cho ông D. Lần thứ hai vay 300.000.000 đồng thì không có viết biên nhận. Sau khi vay ông có trả vốn 03 lần cho ông D với số tiền là 350.000.000 đồng và trả lãi nhiều lần với số tiền là 285.000.000 đồng. Khi ông trả vốn cho ông D thì các bên không làm giấy tờ, khi trả lãi thì ông D có ghi vào sổ của ông D nhưng ông không có ký tên. Biên nhận ngày 16/6/2019 là do ông D đọc cho anh viết, khi đó có hai người lạ ép buộc anh viết biên nhận theo yêu cầu của ông D. Sau khi viết xong ông D còn lấy của ông 7.000.000 đồng.

Tại biên bản niêm phong ngày 17/8/2020, ông S trình bày: Ông vay của ông D 500.000.000 đồng, trả vốn 03 lần là 350.000.000 đồng và đã trả lãi nhiều lần khoảng 300.000.000 đồng.

Tại tờ trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết ngày 07/5/2021, ông S trình bày: Vào ngày 16/3/2018 anh có vay của ông D số tiền là 200.000.000 đồng, ngày 29/6/2018 vay 300.000.000 đồng. Tính đến ngày 29/12/2018 ông có trả nợ gốc cho ông D là 350.000.000 đồng, trả lãi nhiều lần với số tiền 385.000.000 đồng. Ngày 16/6/2019 ông D và 02 người lạ uy hiếp buộc anh viết giấy có nợ ông D 655.000.000 đồng nhưng ông không biết ông D tính tiền gốc, lãi thế nào mà có số tiền 655.000.000 đồng.

Tại biên bản đối chất ngày 20/10/2021, ông S trình bày: Vào ngày 16/3/2018 ông có

vay của ông D số tiền là 200.000.000 đồng, ngày 29/6/2018 vay 300.000.000 đồng. Ông có trả vốn cho ông D 03 lần là 350.000.000 đồng, tiền lãi là 350.000.000 đồng. Ngày 26/6/2019 ông D có điện thoại cho ông qua B để nói chuyện. Khi ông với ông D đang ngồi uống nước thì có 02 người lạ đến ép buộc anh viết giấy có nội dung có nợ của ông D 655.000.000 đồng. Do quá sợ hãi nên ông viết giấy nhận nợ nhưng thực tế ông không có nhận 655.000.000 đồng. Hai người đó ép buộc anh viết chứ ông D không có đe dọa hay ép buộc gì đối với ông. Khi đó 02 người này còn lấy của ông 8.000.000 đồng. Ông khẳng định giấy nợ là do ông viết ngày 26/6/2019 chứ không phải ngày 16/6/2019.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2021/DS-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D. Buộc ông Trần Mai S có nghĩa vụ giao trả cho ông Đoàn Văn D và ông Lê Trúc L số tiền nợ gốc là 655.000.000 đồng và nợ lãi là 43.492.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới với ông Trần Mai S giao trả cho ông Đoàn Văn D và ông Lê Trúc L số tiền nợ gốc là 655.000.000 đồng và nợ lãi là 43.492.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Mai S về việc yêu cầu Văn D giao trả cho ông S số tiền là 474.474.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/12/2021, bị đơn ông Trần Mai S, bà Nguyễn Thị Hồng H kháng cáo, yêu cầu sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông S giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin rút kháng cáo của bà H, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn, các đương sự không tự thỏa thuận giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Nguyễn Văn Tài trình bày:

Ông S chỉ vay của ông D 2 lần tổng cộng là 500.000.000 đồng. Theo nội dung bản lượt ghi đã thể hiện ông S đã trả vốn cho ông D là 350.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 150.000.000 đồng tiền gốc, ông S đã đóng lãi được 285.000.000 đồng. Sau đó ông D buộc ông S làm giấy cam kết trả nợ ngày 16/6 (hai bên xác định là năm 2019). Nguyên đơn xác định khi chốt nợ 655.000.000 đồng thì không có cho mượn nữa, như vậy có đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã cộng vốn 150.000.000 đồng và lãi để yêu cầu bị đơn trả 655.000.000 đồng. Mặc dù nội dung bản lượt ghi nguyên đơn không công nhận nhưng khi có kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự thì nguyên đơn cũng không có ý kiến. Như vậy đã thể hiện có việc cho vay có lãi, lãi suất là 3.000.000 đồng/ngày. Ông S chỉ còn nợ ông D 150.000.000 đồng và đã đóng lãi cao cho ông D số tiền 285.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tính lại lãi cho ông S theo lãi suất nhà nước.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của bà H là ông S xin rút kháng cáo của bà H, nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà H.

Xét kháng cáo của ông S: Căn cứ giấy mượn tiền ngày 16/6/2019 thì số tiền gốc là 655.000.000 đồng, tuy nhiên căn cứ vào nội dung bản dịch thì có cơ sở xác định ông S đã đóng lãi cho ông D 355.000.000 đồng, sau khi khấu trừ tiền lãi ông S đã đóng vượt quy định là 300.833.000 đồng thì ông S phải trả cho ông D số tiền 354.167.000 đồng. Đối với số tiền lãi của số tiền 655.000 đồng ông D yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 16/6/2019 là không phù hợp, do nội dung giấy mượn tiền ngày 16/6/2019 không có thoả thuận lãi suất, chỉ có cam kết trả nợ của ông S, nên chỉ buộc ông S phải trả tiền lãi kể từ khi ông S vi phạm nghĩa vụ được tính với số tiền là 33.822.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng tính lại một phần tiền lãi như đã phân tích nêu trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Mai S và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Đoàn Văn D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Mai S, bà Nguyễn Thị Hồng H liên đới trả số tiền vay là 655.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/6/2019 đến ngày 16/02/2020 là 43.492.000 đồng, căn cứ vào “Giấy mượn tiền” ngày 16/6. Bị đơn ông S không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông D, vì mặc dù giấy mượn tiền ngày 16/6/2019 do ông viết và ký tên với số tiền 655.000.000 đồng nhưng do ông bị ép buộc, thực tế ông chỉ có vay của ông D số tiền 500.000.000 đồng, đã trả vốn cho ông D số tiền là 350.000.000 đồng và trả lãi với số tiền 385.000.000 đồng nên yêu cầu cần trừ tiền lãi, yêu cầu ông D phải hoàn lại cho ông số tiền gốc là 226.750.000 đồng, tiền lãi 89.474.000 đồng. Tòa sơ thẩm buộc ông S phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông D số tiền 655.000.000 đồng và tiền lãi 43.492.000 đồng. Bị đơn ông S, bà H có đơn kháng cáo. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông S là đại diện theo uỷ quyền của bà H xin rút yêu cầu kháng cáo của bà H.

[2] Trong quá trình tố tụng, ông S trình bày nhiều lần, các lần không thống nhất với nhau về thời gian vay, mục đích vay và số tiền lãi đã trả. Ông S trình bày, ông chỉ vay của ông D 2 lần, lần 1 vay 200.000.000 đồng, lần 2 vay 300.000.000 đồng, tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Ông S cho rằng đã trả vốn cho ông D số tiền là 350.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 150.000.000 đồng. Trong thời gian

vay, ông đã trả lãi cho ông D với lãi suất 30%/tháng nên ông yêu cầu tính lại lãi và yêu cầu ông D hoàn trả số tiền đã trả thừa. Ông S thừa nhận đã viết giấy mượn tiền ngày 16/6/2019 số tiền 655.000.000 đồng nhưng là do bị đe dọa, viết theo yêu cầu ông D.

[3] Mặc dù ông S trình bày nhiều lần không thống nhất với nhau và không có chứng cứ chứng minh bị ông D đe dọa, ép buộc viết và ký giấy mượn tiền với số tiền 655.000.000 đồng nhưng tại Kết luận giám định số 248/C09B ngày 29/3/2021 và bản lượt dịch (được ghi âm sau ngày ông S viết giấy mượn tiền ngày 16/6/2019) kèm theo của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, thì có cơ sở xác định ông S có vay của ông D 2 lần với số tiền là 500.000.000 đồng và ông S đã trả tiền gốc, tiền lãi nhiều lần cho ông D. Mặc dù ông D không thừa nhận nội dung file ghi âm nhưng kết luận giám định số 248/C09B ngày 29/3/2021 của Phân Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định giọng nói trong file ghi âm và giọng nói trong mẫu so sánh (giọng nói của anh D) là của cùng một người, nên có cơ sở xác định giọng nói trong file ghi âm là của anh D.

[4] Theo nội dung bản lượt dịch kèm theo kết luận giám định số 248/C09B, từ trang 1 đến trang 2 thể hiện: số tiền 200.000.000 đồng ông S đóng lãi “178 triệu”, “với 50 với 27 triệu”, “là 255 triệu”, số tiền 300.000.000 đồng đóng lãi “15 triệu, 50 triệu, 35 triệu” là 100 triệu, ông D “Ừ”. Tại trang 5 ông D thừa nhận “tiền lãi đóng rồi”, tại trang 6 ông D “mượn ngày là một ngày ba triệu đó”. Cũng theo nội dung bản dịch, ông D thừa nhận ông S có trả tiền gốc, tại trang 14 ông D “Trăm triệu với thằng Phong có lần đó ông ơi”, “Còn một lần 200 triệu đưa bỏ ở quán cà phê”, tại trang 15 ông D “...mượn 300 mà đóng lãi 100 triệu còn đòi hỏi gì nữa”. Như vậy việc ông D cho rằng cho ông S vay tiền không có lãi và chưa trả tiền gốc là không có cơ sở. Đồng thời, nội dung bản dịch cũng thể hiện ông D là người giữ sổ ghi các khoản vay khoản lãi đã trả nhưng hiện nay không đồng ý cung cấp.

[5] Xét thấy, Tòa sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ là sổ ghi nợ vay, nợ lãi do ông D giữ, chưa làm rõ số tiền 655.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 16/6/2019 là cộng lại từ các khoản vay nào, tiền gốc đã trả là bao nhiêu, lãi suất như thế nào, số tiền lãi đã trả là bao nhiêu, có dấu hiệu tội phạm cho vay lãi nặng hay không, mà chỉ căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 16/6/2019 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S trình bày, thực tế ông S đã đóng lãi cho ông D là 285.000.000 đồng chứ không phải là 385.000.000 đồng như nội dung của bản án sơ thẩm, và có mâu thuẫn về số tiền gốc đã trả là 350.000.000 đồng hay là 300.000.000 đồng theo nội dung bản dịch.

Xét thấy, việc thu thập chứng cứ chứng minh của cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Do bản án bị hủy nên không xét kháng cáo của bị đơn, ông S, bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2021/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại theo thủ tục chung.

Hoàn lại cho ông Trần Mai S và bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004307 và số 0004308 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Cửa

